

SỰ NGHIỆP VĂN HỌC CỦA THIỆU TRỊ VÀ DẤU ẤN VỚI VĂN HỌC PHẬT GIÁO PHÚ XUÂN - HUẾ

Phan Thanh Việt

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Tóm tắt: Hoàng đế Thiệu Trị là vị vua thứ 3 của triều Nguyễn. Ngoài cương vị một vị Hoàng đế ông còn là một tác gia văn học, đây là điểm sáng trong sự nghiệp của ông. Với niềm đam mê sáng tác và nghiên cứu thể cách thi pháp, ông đã để lại một gia tài thơ văn đồ sộ với những giá trị thi học to lớn. Xuất thân là một nhà Nho nhưng với tinh thần “cư Nho mộ Thích”, nhà vua cũng tham mộ và nghiên cứu thâm sâu triết lí Thiền gia. Trong thời gian 7 năm trị vì của mình (1841-1847), nhà vua đã để lại những dấu ấn sâu sắc đối với Phật giáo tại kinh đô Phú Xuân trên lĩnh vực văn học. Trong bài viết này, chúng tôi giới thiệu sự nghiệp văn học của Thiệu Trị và dấu ấn của ông với văn học Phật giáo Phú Xuân - Huế.

Từ khóa: Thiệu Trị, Ngự chế chi, Văn học Phật giáo, Phú Xuân.

Nhận bài ngày 15.2.2022; gửi phản biện, chỉnh sửa, duyệt đăng ngày 25.3.2022

Liên hệ tác giả: Phan Thanh Việt; Email: phanthanhviet189@gmail.com

1. MỞ ĐẦU

Vương triều Nguyễn lấy Nho giáo làm hệ tư tưởng chính thống, từ chính trị cho đến giáo dục, lễ nghi đều lấy Nho giáo làm gốc. Tuy nhiên, các vị Hoàng tộc vua chúa và quan lại thời Nguyễn qua các giai đoạn đều rất chú trọng đến Phật giáo. Vua Thiệu Trị cũng để lại những dấu ấn sâu sắc đối với Phật giáo ở kinh đô Phú Xuân trên lĩnh vực văn học. Trong 20 thắng cảnh nổi tiếng tại kinh đô Phú Xuân do vua Thiệu Trị tuyển chọn và đề thơ, trong đó có đến 3 thắng cảnh tả về các ngôi danh lam ở Huế, đó là: *Vân sơn thắng tích* (Thắng tích trên núi Thúy Vân, chùa Thánh Duyên); *Thiên Mụ chung thanh* (Tiếng chuông chùa Thiên Mụ); *Giác Hoàng Phạm Ngữ* (Tiếng tụng kinh chùa Giác Hoàng). Nhà vua với tinh thần “cư Nho mộ Thích”, tuy sống và được giáo dưỡng hoàn toàn trong tinh thần Nho học nhưng lại rất mến mộ giáo lí nhà Phật, điều này được thể hiện qua những dấu ấn đặc biệt của nhà vua với công trình kiến trúc Phật giáo tại kinh đô Phú Xuân - Huế và qua các bài Ngự chế thi văn mang đậm triết lí Phật pháp.

2. NỘI DUNG

2.1. Sự nghiệp văn học của Thiệu Trị

Văn học là một lĩnh vực đạt nhiều thành tựu của Thiệu Trị. Với thiên tính văn chương nhạy bén, xuất khẩu thành thơ, ông đã để lại một kho tàng thơ văn đồ sộ. Ông là một đại diện tiêu biểu trong lực lượng sáng tác thơ văn Hoàng tộc thời Nguyễn, các sáng tác thơ văn của ông đã được nâng lên một tầm về nghệ thuật dùng chữ, chơi chữ, đó cũng là thú vui tao nhã những lúc nhàn sự triều chính. Thơ ông thể hiện ở nhiều nội dung phong phú: viết về tình yêu thiên nhiên đất nước, phong cảnh hữu tình của chốn kinh đô, viết về người cha, yêu nước thương dân, chăm lo chính sự, chấn hưng nền văn trị. Trong toàn bộ sự nghiệp văn chương của Thiệu Trị với số lượng sáng tác hàng nghìn bài nhưng phần lớn chưa được nghiên cứu và phiên dịch ra Việt văn, chỉ một số công trình nghiên cứu ở một vài bài thơ nổi tiếng. Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi bước đầu thống kê toàn bộ những tác phẩm thơ văn ngự chế của Thiệu Trị, để có cách nhìn tổng thể toàn bộ sự nghiệp văn chương của ông.

a. Về thơ ca

Bộ tổng tập *Thiệu Trị ngự chế thi* gồm 4 tập thơ chính, với nội dung phong phú: giáo hóa, tức sự, cảm hoài, ngâm vịnh các danh thắng, nhân vật lịch sử, yêu nước, thương dân, thời tiết, mùa màng... Theo bài *Chí* của Nội các trong *Ngự chế thi tứ tập*, chúng ta biết rõ được số lượng bài thơ chính xác của 4 tập *Ngự chế thi*, cụ thể: 3 tập đầu *Ngự chế thi* gồm 2.620 bài thơ là được sáng tác trong thời gian từ năm Tân Sửu (1841) đến năm Bính Ngọ (1846); và tập 4 được sáng tác từ tháng giêng năm Đinh Mùi (1847) đến tháng 8 cùng năm (27 tháng 9 vua băng hà), là 326 bài. Tổng cộng 4 tập thơ ngự chế là 55 quyển, mục lục 16 quyển, gồm 2.946 bài thơ:

1. *Thiệu Trị ngự chế thi sơ tập*: Tập thơ được biên soạn xong tháng 2 năm Thiệu Trị thứ 3 (1843). Mở đầu tập thơ với lời *tự* của Thiệu Trị đề tháng 4 năm Quý Mão, Thiệu Trị thứ 3 (1843); hai bài *tấu* của Nội các, một bài về việc khắc in, một bài tấu việc khắc in hoàn thành. Tập thơ gồm 650 bài thơ ngự chế của vua Thiệu Trị được biên soạn thành 13 quyển chính và mục lục 3 quyển, tổng cộng 16 quyển. Các bài thơ này được sáng tác trong hai năm Tân Sửu (1841) và Nhâm Dần (1842).

2. *Thiệu Trị ngự chế thi nhị tập*: Được biên soạn xong, khắc in vào tháng 3 năm Thiệu Trị thứ 5 (1845). Tập thơ với lời *tấu* của Nội các về việc khắc in đã hoàn thành gồm: thơ 15 quyển, mục lục 5 quyển, tổng cộng là 20 quyển. Tập hợp những bài thơ ngự chế của vua Thiệu Trị.

3. *Thiệu Trị ngự chế thi tam tập*, tập thơ biên soạn, khắc in tháng 2 năm Tự Đức nguyên niên (1848), gồm thơ 20 quyển, mục lục 5 quyển, tổng cộng là 25 quyển. Cuối tập thơ có lời *Chí* của đại thần trong Cơ mật viện và Nội các; lời *Bạt* của vua Tự Đức.

4. *Thiệu Trị ngự chế thi tứ tập*, có 10 quyển gồm 7 quyển chính và mục lục 3 quyển, 326 bài thơ được khắc in hoàn thành tháng 2 năm Tự Đức nguyên niên (1848), cuối tập thơ có lời *Bạt* của vua Tự Đức và lời *Chí* của các đại thần Nội các. Ngoài bộ *Ngự chế thi* 4 tập gồm 2.946 bài, trong sự nghiệp văn chương của Thiệu Trị còn các tập thơ được biên tập riêng với nội dung phong phú. Một điểm lưu ý, là các tập thơ riêng biệt dưới đây đều

được tìm thấy trong tổng tập *Ngự chế thi*. Trong đó, 683 bài trong tập *Chỉ Thiện đường hội tập* được sáng tác khi chưa lên ngôi nên sẽ không có trong tổng tập. Vì vậy toàn bộ số lượng bài thơ của Thiệu Trị có khoảng 3.647 bài.

5. Tác phẩm *Minh lương hỷ khởi tập*: Vào mùa thu tháng 8, năm 1843, Thiệu Trị ngự điện Văn Minh với cận thần trong Nội các, cùng bàn luận về văn chương thời nhà Đường là Đường Minh Hoàng và Đường Văn Hoàng, vua cho rằng thơ của họ: “*Lời lẽ tuy đẹp nhưng ý chưa trang trọng, ý thơ dường như lãnh đạm. Thân làm thiên tử sao lại nói năng như người nhàn tản vậy? Vua lại nói: Ta xem tập thơ của Bắc triều, có chỗ khen là Nhã Tụng về triều thịnh trị. Văn vật nước ta không kém gì Trung Quốc. Ta thường sai các quan văn ứng chế, bài nào lấy được thì lần lượt cho chép lại, đề tên sách là ‘Minh lương hỷ khởi tập’, há chẳng là việc hay ư’*”. [9, tr.528].

6. Tác phẩm *Hoàng Huấn cửu thiên* gồm 9 thiên: *Cao minh, Bác hậu, Sùng tuy, Trung lương, Từ ái, Hiếu đễ, Tạo đoan, Hữu vu, Chỉ tín*, mỗi thiên lại có 3 chương với nội dung giáo huấn lấy từ tư tưởng Nho giáo: về đạo trời đất, vua tôi, cha con, chồng vợ, anh em, bè bạn; khuyên mọi người trau dồi đạo đức, hành động cho hợp đạo trời và lòng người về đạo trời và đạo đức nhân luân trong các mối quan hệ tam cương ngũ thường, giữ tính thường muốn đức. Tác phẩm này nhà vua ban cho các giảng đường để Nho sĩ làm tài liệu tu tiến. Về 9 thiên này, được biên tập trong quyển nhất của tập *Ngự chế cổ kim thể cách thi pháp* từ trang 33b đến trang 37a.

7. Tác phẩm *Ngự chế Bắc tuần thi tập*, hiện còn tư liệu mộc bản được lưu trữ tại Trung tâm lưu trữ quốc gia IV Đà Lạt, (TTLTQG IV), kí hiệu H77/1-6, gồm 5 quyển, tổng cộng còn 190 tờ. Tập thơ gồm những bài thơ do vua Thiệu Trị sáng tác năm 1842, trong thời gian nhà vua vi hành Bắc tuần gồm 173 bài. Bộ sách này khắc in năm 1844, “*Tập thơ Ngự chế Bắc tuần khắc xong, ban cấp cho hoàng tử, hoàng thân, các quan văn võ và các quan ở các tỉnh về châu, cùng phủ Thừa Thiên, trường Quốc tử giám, học chính các tỉnh đều 1 tập*” [9, tr.608]. Vấn đề văn bản tác phẩm này có sự nhầm lẫn về tác giả, trong sách *Mộc bản triều Nguyễn - Đề mục tổng quan*, cho rằng tác phẩm này là của Minh Mạng sáng tác khi ngự giá Bắc tuần. Tuy nhiên, Nguyễn Huy Khuyến đã khảo cứu so sánh văn bản và khẳng định tác giả tập thơ là của Thiệu Trị. Một số bài thơ được lựa chọn để khắc vào bia đá ở các nơi hành tại đi qua, để cho áng đại văn chương của thánh nhân sẽ cùng với núi cao sông chảy cùng giữ đến vô cùng.

8. Tác phẩm *Ngự đề đồ hội thi tập*, được cho khắc in năm 1844, đến tháng 6 năm 1845 mới hoàn tất. Bộ sách *Ngự đề đồ hội thi tập* có 16 quyển, gồm 2 quyển mục lục và 14 quyển chính, ghi lời dẫn, lời thơ và tranh minh họa. Qua khảo sát tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm (VNCHN), văn bản *Ngự đề đồ hội thi tập* chỉ gồm có 12 quyển, văn bản bị thiếu quyển 11, quyển 12 và 2 quyển mục lục, văn bản được chia thành 4 tập, nội dung sách được chia làm 3 chủ đề chính là: 1) *Ngự đề danh thắng đồ hội thi tập*, từ quyển 1 - quyển 8, gồm những bài thơ đề vịnh các cảnh đẹp trong Hoàng cung và danh lam thắng cảnh của kinh đô Phú Xuân. Đặc biệt trong này có *Thần kinh nhị thập cảnh*, Thiệu Trị đã dày công

sắp xếp và đề vịnh 20 cảnh đẹp của Kinh đô; 2) *Ngự đề cổ tích đồ hội thi tập*, từ quyển 9 - quyển 10, vịnh các tích trong *Đề giám đồ thuyết*, mỗi tích được vịnh một bài thơ; 3) *Ngự đề nhân vật đồ hội thi tập*, từ quyển 13 - quyển 14 gồm những bài thơ vịnh người và phong cảnh, cùng với hoa cỏ, muông thú. Riêng hai quyển 11 và 12 hiện bị thất lạc, nên không rõ nội dung thuộc phần nào. Tác phẩm *Ngự đề đồ hội thi tập*, về giá trị thực tiễn của có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc bảo tồn và kiến thiết xây dựng lại những công trình thuộc kinh thành Huế có đề cập đến trong tác phẩm, thông qua những bức họa khá chi tiết để tạo nên một thiết kế tổng quan cho công trình tái tạo, để góp phần gìn giữ di sản của dân tộc.

9. *Chỉ Thiện đường hội tập* hay còn gọi là *Chỉ Thiện đường thi văn hội tập*. Tập thơ là tập hợp thơ văn do Thiệu Trị sáng tác khi còn là tiềm đề (chưa lên ngôi), gồm 13 quyển; trong đó 42 bài văn hợp thành 3 quyển văn; 683 bài thơ hợp thành 10 quyển thơ. Đến tháng 5, năm 1845 Nội các biên soạn hoàn thành, dâng lên vua ngự lãm và khắc in. Tập thơ do Đại thần Trương Đăng Quế soạn lời tựa, hiện còn lưu giữ trong *Quảng Khê văn tập* của ông.

10. *Ngự chế Tài thành Phụ tướng tiên thiên hậu thiên thi tập*, có lời tựa của Thiệu Trị, bài bạt của Vũ Phạm Khải, Nguyễn Bá Nghi đều viết vào năm Thiệu Trị thứ 7 (1847). Tập thơ của Thiệu Trị dựa vào thuyết Ngũ phương và Kinh Dịch, dịch ra các quẻ và đặt thành lời thơ để bói việc lành, việc dữ. Nhân việc thấy người xem bói xóc ống thẻ vua cho rằng như vậy là đã có sức người tức là không thiêng liêng nữa, không thông suốt được lễ mầu nhiệm. Vua bèn chế ra 2 quả thiên cầu chữ đỏ và chữ trắng, trên quả cầu khắc 10 can, ngũ thường (Nhân, Lễ, Nghĩa, Trí, Tín) và ngũ phương để yên trong cái hộp. Vua lại làm được 200 bài thơ, sai quan Nội các Nguyễn Cửu Trường và Vũ Phạm Khải biên tập chia làm 2 quyển gọi là Tiên thiên và Hậu thiên định làm phép xem bói. Sau khi Nội các biên soạn thơ ấy xong, đặt nhan đề sách là *Ngự chế Tài thành Phụ tướng Tiên thiên Hậu thiên thi tập*, đem phổ quát rộng rãi.

11. *Ngự chế vũ công thi tập*, kí hiệu H98/1-9, tư liệu mộc bản được lưu trữ tại TTLTQG IV hiện còn 8 quyển, 352 tờ. Tháng 8 năm 1847, tập thơ được được viện Cơ mật, tòa Nội các biên tập xong và dâng biểu xin khắc in. Thơ khắc chưa xong thì vua băng hà, đến năm Tự Đức nguyên niên (1848) mới khắc in xong và đem ban hành. Tập thơ này, trong *Mộc bản triều Nguyễn đề mục tổng quan* đã nhầm lẫn cho rằng đây là tập thơ của Minh Mạng. Tuy nhiên, Minh Mạng mất năm 1841 và theo lời tâu của Nội các như trên thì đây là tập thơ của Thiệu Trị về việc bình định các cuộc phản loạn Xiêm La, Chân Lạp ở trấn Tây thành trong thời gian từ năm 1841 đến 1847, tức là thời gian trị vì của Thiệu Trị. Vì vậy, đây là tập thơ của Thiệu Trị.

12. *Ngự chế cổ kim thể cách thi pháp tập*: Nội các biên soạn hoàn thành vào tháng 9 năm Thiệu Trị thứ 7 (1847) và dâng biểu xin khắc in. Tập thơ là một trong những tác phẩm tiêu biểu trong sự nghiệp sáng tác văn chương của Thiệu Trị. Tác phẩm này được Thiệu Trị sắc lệnh cho Nội các chọn trích tuyển từ *Thiệu Trị Ngự chế thi*, gồm 157 bài (chương) được sáng tác theo các thể cách thi pháp cổ kim, đặc biệt trong đó có những thể

cách do chính vua tự sáng tạo, với tổng ước lượng khoảng 72 thể cách, là một sự đóng góp cho nền thi pháp học trung đại. Đây là một tập thơ thể hiện tài năng về nghệ thuật thể cách thi pháp của thi sĩ Miên Tông. Những thể cách cổ kim được tác giả sử dụng phong phú như: *Hồi văn thể kiêm liên hoàn, Minh, Thủ vỹ ngâm, Thiên liên thể, Lục ngôn, Tạp số thể, Cung điện thể, Cô nhận xuất quần cách...* Đặc biệt với thể *Hồi văn kiêm liên hoàn*, Thiệu Trị đã tạo nên một kiệt tác văn chương với tác phẩm *Vũ trung sơn thủy* và *Phước Viên văn hội lương dạ mạn ngâm*.

Ngoài các thể cách cổ kim được vua Thiệu Trị sử dụng trong tập thơ, ông còn giành thời gian nghiên cứu thi pháp để sáng tạo ra những thể cách mới mà ông gọi là các thể cách “*tân sáng*”, hoặc “*tự sáng*” gồm 15 thể cách, trong đó nổi bật hơn cả là thể *Toàn chuyển chu hoàn thể* được ông sử dụng để sáng tác bài thơ *Trì đường sơ hạ lâm hứng thủy tạ phóng ngâm* để từ một bài thơ gốc đọc thành 96 bài thơ. Trong toàn bộ sự nghiệp sáng tác, tác phẩm *Ngự chế cổ kim thể cách thi pháp tập* là một trong những đại diện tiêu biểu cho sự tài hoa về nghệ thuật thể cách thi pháp, chiếm một vị trí đặc biệt quan trọng trong sự nghiệp sáng tác văn chương của ông. Vua mong muốn đây là sẽ nguồn tư liệu để cho quần thần Nho sĩ và các thế hệ mai sau lấy đó làm căn cứ áp dụng trong các sáng tác văn chương theo nhiều thể cách thi pháp khác nhau tạo nên một phong trào sáng tác sôi nổi. Vua rất chú trọng chính sách chấn hưng văn trị, khuyến khích sáng tác thơ văn, mở nhiều khoa thi trong thời gian tại vị để tuyển chọn nhân tài giúp nước qua con đường thi cử văn chương, mong muốn nền văn trị của đất nước được hưng thịnh như chính câu thơ của ông: “*Tinh tú văn chương trứ/ Sơn hà cảm tú phô*, văn chương thì rực rỡ như các vì tinh tú, khắp chốn đều áo mũ lông lẫy, câu thơ hàm ý một chốn kinh đô phồn hoa, văn phong rực rỡ, vương triều thịnh vượng.

b. Văn tập và thể loại khác

1. *Thiệu Trị Ngự chế văn tập*: Hai tập văn của Thiệu Trị hiện còn lưu trữ tại VNCHN, Hà Nội gồm 3 bản in:

- A.119/1-3: *Thiệu Trị ngự chế văn tập*, 1846 tr., 27 x 17, 1 tựa, 2 mục lục, in năm Thiệu Trị 6 (1846); VHv.137/1-9: *Thiệu Trị ngự chế văn tập*, 748 tr., 27 x 17, 2 tựa, 2 mục lục (thiếu C 2, 3); VHv.1138: *Thiệu Trị ngự chế văn tập*, 146 tr., 26 x 17 (chỉ còn C 2).

Nội dung của hai tập *Ngự chế văn* gồm: 200 bài chiếu, chế, dụ, biểu, châm, kí, minh, tựa, bạt, bi kí, câu đối... của Thiệu Trị tán phong chức tước, xây dựng lăng tẩm, sửa chữa đê điều cầu cống, khuyên răn dân chúng chăm chỉ làm ruộng, giữ thuần phong mỹ tục, thi tuyển chọn người tài... *Ngự chế văn tập* đầu được soạn xong vào tháng 2 năm 1846, các quan đại thần dâng sớ xin khắc, đến tháng 5 thì khắc xong.

2. Tác phẩm *Thiệu Trị văn quy*: Được vua hạ lệnh biên soạn vào tháng giêng năm 1845, do Trần Xuân Thực và Vũ Duy Quang đứng đầu công việc. Ban đầu có tên là *Thiệu Trị văn quy tự vận hội tập* nhưng theo vua *Văn quy* là đã mang ý nghĩa bao hàm cả chữ và vận rồi nên về sau bỏ bốn chữ cuối chỉ dùng tên là *Thiệu Trị văn quy*. Vua nhân cảnh đất nước thái bình thịnh trị, nhân rồi, văn phong rất thịnh và muốn cho nước Nam có bộ

sách về âm vận đầy đủ giúp cho người hậu học có căn cứ để tra cứu, bèn giao cho Nội các và viện Hàn lâm đem sách *Vận thư* các đời, tham khảo với *Tự điển* rồi những chỗ thiếu sót thêm vào cốt cho từng chữ, từng nghĩa, từng âm, từng vần đều được hội tụ rõ ràng, giúp cho các văn nhân, sĩ phu tầm thường được dễ hiểu. Đến đầu niên hiệu Tự Đức mới biên soạn hoàn thành nhưng điều đáng tiếc hiện nay bộ sách này đã bị thất lạc.

3. Tác phẩm *Ngự chế lịch đại sử tổng luận*, biên tập năm Thiệu Trị 6 (1846), đến tháng giêng năm thứ 7 (1847) khắc in xong. Sách do vua trước tác trong những lúc nhàn rỗi công việc, mở sách tìm tòi những trị đạo của các đời, trích lấy những đại cương, viết thành các bài luận, đặt nhan đề là *Ngự chế lịch đại tổng luận*. Sách in xong, vua chuẩn ban cho các hoàng tử, hoàng tôn, hoàng thân, học trò trường Quốc tử giám và học đường các phủ, huyện ở trực tỉnh mỗi nơi mỗi bộ, để giúp ích cho việc giảng và dạy học.

Bảng 1. Thống kê tác phẩm văn chương của Thiệu Trị

TT	Tác phẩm Văn chương	Tổng số quyển	Tự/ bặt/ tấu/ biểu	Ghi chú
1	<i>Thiệu Trị ngự chế thi sơ tập</i>	16 quyển; (13 quyển chính; 3 quyển mục lục)	1 tựa; 2 tấu;	Soạn năm 1843. Lưu trữ tại VNCHN
2	<i>Thiệu Trị ngự chế thi nhị tập.</i>	20 quyển; (15 quyển chính; 5 quyển mục lục)	1 tấu;	Soạn năm 1845. Lưu trữ tại VNCHN
3	<i>Thiệu Trị ngự chế thi tam tập</i>	25 quyển; (20 quyển chính; 5 quyển mục lục)	1 bặt; 1 thức;	Soạn năm 1848. Lưu trữ tại VNCHN
4	<i>Thiệu Trị ngự chế thi tứ tập.</i>	10 quyển; (7 quyển chính; 3 quyển mục lục)	1 bặt; 1 thức;	Soạn năm 1848. Lưu trữ tại VNCHN
5	<i>Minh Lương hỷ khởi tập.</i>	1 quyển	Khuyết	Năm 1843 vua Thiệu Trị sắc lệnh biên soạn.
6	<i>Hoàng Huấn cứu thiên</i>	1 quyển	1 tấu	Soạn năm 1847. Lưu trữ tại VNCHN
7	<i>Ngự chế Bắc tuần thi tập.</i>	5 quyển	1 biểu	Khắc in năm 1844. Hiện còn Mộc bản lưu trữ tại TTLTQG IV
8	<i>Ngự đề đồ hội thi tập .</i>	16 quyển; (2 quyển mục lục; 14 quyển chính)	1 tựa;	Khắc in năm 1844. Hoàn thành năm 1845. Lưu trữ tại VNCHN
9	<i>Chỉ Thiệu Đường thi văn hội tập</i>	13 quyển; (3 quyển văn; 10 quyển thơ)	1 tựa;	Năm 1845 biên soạn hoàn thành.

10	<i>Ngự chế Tài thành Phụ tướng tiên thiên hậu thiên thi tập</i>	2 quyển; (<i>Tiên thiên; Hậu thiên</i>)	1 tựa; 1 bặt	Biên soạn năm 1847. Lưu trữ tại VNCHN.
11	<i>Ngự chế vũ công thi tập</i>	10 quyển; (<i>8 quyển chính; 2 quyển mục lục</i>)	Khuyết	Biên soạn hoàn thành năm 1847. Hiện còn 8 quyển. Mộc bản lưu trữ tại TTLTQGIV
12	<i>Ngự chế cổ kim thể cách thi pháp tập</i>	4 quyển; (<i>1 quyển mục lục; 3 quyển chính</i>)	1 biểu; 1 bặt; 2 tựa thơ;	Biên soạn hoàn thành năm 1847, lưu trữ tại VNCHN; TVQG; TTLTQG-IV.
13	<i>Thiệu Trị ngự chế văn sơ tập</i>			Lưu trữ tại VNCHN.
14	<i>Thiệu Trị ngự chế văn nhị tập</i>			Lưu trữ tại VNCHN.
15	<i>Thiệu Trị văn quy</i>	Khuyết	Khuyết	Biên soạn năm 1845; Năm 1848 hoàn thành. Thất lạc.
16	<i>Ngự chế lịch đại sử tổng luận</i>		1 tựa;	Biên soạn năm 1846; Năm 1847 khắc in xong.

Toàn bộ sự nghiệp văn chương của Thiệu Trị phần lớn được sáng tác trong vòng 7 năm trị vì, gồm có: 4 tập *Ngự chế thi*; 8 tập thơ *Ngự chế* được biên tập riêng biệt; 2 tập *Ngự chế văn tập*; còn có 2 bộ *Thiệu Trị văn quy* và *Ngự chế lịch đại sử tổng luận*, tổng cộng cả thảy 16 tập thi văn, có tổng khoảng 3.647 bài thơ, cùng văn các loại. Nhà vua chú trọng thi hành phát triển văn trị để cùng song hành võ trị khiến cho văn phong nơi nơi được hòa nhã, đất nước thái bình, thịnh trị. Thiệu Trị là một tác gia lớn của văn học thời Nguyễn trong tư cách là một vị Hoàng đế nhưng tên tuổi và thơ văn của ông chưa thấy đề cập trong các bộ Từ điển văn học, sách giáo khoa, tổng tập Văn học Việt Nam. Đây là sự thiệt thòi lớn cho một thời kỳ văn học Hoàng tộc nhà Nguyễn.

2.2. Dấu ấn với Văn học Phật giáo Phú Xuân – Huế

Thiệu Trị được biết đến là một tài năng văn chương. Đề tài, chủ đề thơ ca của ông đa dạng, phong phú; phong cách, bút pháp thơ ca của ông rộng lớn, điêu luyện. Bên cạnh hệ thống thể tài chiếm ưu thế theo tinh thần văn chương nhà Nho, vua Thiệu Trị còn có không ít các tác phẩm mang đậm triết lý Phật giáo. Trong số các tác phẩm về Phật giáo của ông, bốn bài thơ: *Thiên Mục chung thanh* (Tiếng chuông chùa Thiên Mục), *Giác Hoàng Phạm ngữ* (Tiếng tụng kinh chùa Giác Hoàng), *Đề Diệu Đế tự* (Đề chùa Diệu Đế), *Vân sơn thắng tích* (Thắng tích trên núi Thúy Vân), trực tiếp tả về bốn ngôi chùa nổi tiếng tại kinh đô Phú Xuân là những bài có thể coi là dấu ấn đặc sắc nhất, chúng tôi lần lượt tìm hiểu từng bài thơ:

- **Bài thơ Thiên Mục chung thanh:** Được vua sáng tác năm Thiệu Trị thứ 3, được khắc vào bia đá, tả về cảnh đẹp của ngôi chùa vốn được mệnh danh là một trong hai mươi cảnh đẹp của kinh đô (*Thần kinh nhị thập cảnh*). Cảnh chùa hùng tráng quay về chốn kinh thành, nằm tại một vị trí được cho là long mạch quan trọng đất đế đô. Thiên Mục là ngôi quốc tự đặc biệt quan trọng với triều Nguyễn, từ thuở chúa Tiên Nguyễn Hoàng vào trấn thủ Thuận Hóa, trải qua các đời đều sắc kiến trùng tu, các lễ cầu quốc thái dân an của Hoàng tộc đều thực hiện ở đây. Ngôi chùa là chứng nhân của một thời đại lịch sử mở mang cõi nước về phương Nam của vương triều Nguyễn.

*Cao cương cổ sát trấn tiền xuyên,
Nguyệt tướng thường viên tự tại thiên.*

Chùa Thiên Mục nơi kết ngưng tinh khí của sông núi anh linh. Ngự trị nơi gò cao, trấn giữ trước dòng sông, Ánh trăng viên dung dưới trời cao tỏa sáng bình yên giữa bầu trời.

*Bách bát hồng thanh tiêu bách kết,
Tam thiên thế giới tịnh tam duyên.*

Tiếng chuông chùa ngân vọng trong sương khói, nghe chuông để giác ngộ lẽ huyền vi. Một trăm lẻ tám tiếng vang lên tiêu tan oán kết, ba nghìn thế giới tịnh con mê. Tiếng chuông chùa vang lên khiến cho kẻ phàm trần đang lạc lối bỗng phút chốc hồi đầu bĩ ngạn, chúng sinh trong cõi u minh thăm thẳm cũng thấu cảm, oán kết cũng thấy đều tiêu tan, rõ nẻo về chánh giác.

*Tăng hoàng ngộ nhật u minh cảm,
Liêu lượng dân tiêu đạo vị huyền*

Tiếng chuông vang lên giữa sớm hôm xa khắp cùng pháp giới, nghe tiếng chuông khiến cho lòng nhẹ nhàng thanh thoát, thăm đắm đạo vị Thiền. Đây là dấu Phật, ấy là công thánh hiền, phúc lành tỏa khắp muôn nơi.

*Phật tích Thánh công thù hải vũ
Thiện nhân phúc quả phổ cai diên.
Thiên Mục chung thanh, Ngự chế thi sơ tập, Q.11, tờ 22b -24a)*

- **Bài thơ Đề Diệu Đế tự:** Được vua ngự chế cùng lời tựa nói về việc dựng chùa.

*Đoan nghiêm sáng khái đế thành đông,
Phủ tuần dư tình kiến Phạm cung.*

Ngôi chùa được dựng lên ấy là tâm nguyện của muôn dân. Đoan nghiêm khoáng đảng phía Đông đế thành, thuận theo dân tình dựng ngôi Phạm vũ.

*Giáng cát từ đàm thường huyền thái,
Minh trưng tuệ nhật chính sơ hồng.
Đàn hương triêm nhiễm thiên phương ngoại,
Việt ám Sa bà vạn vũ trung.*

Ngôi chùa giữa chốn Kinh đô như mây lành thường che chở, giáng điềm tốt, như ánh sáng trí tuệ mặt trời chiếu rọi buổi ban mai, như hương chiên đàn thấm nhuần muôn nghìn dặm, như bóng cây từ bi che chở khắp thế gian. Ý nghĩa vị nhân sinh của ngôi chùa lớn lao như vậy.

*Ưngã bản phi sùng xiển giáo,
Vị dân dẫn nguyện phúc bàng hồng.*

(*Đề Diệu Đế tự*, Ngự chế thi nhị tập, Q.12, tờ 8a - 11a)

Nhà vua tự nhận chẳng phải là người xiển giáo nhưng việc dựng chùa là thuận theo ý nguyện muôn dân, cũng là ý nghĩa trị quốc lấy muôn dân làm gốc, từ việc làm đó cũng tỏ được ý nghĩa nhà vua thấu suốt triết lý nhà Phật. Vì chính nhà vua đã thấu tỏ lẽ rằng đạo trị quốc thì cốt lấy ở điều Chí thiện của Nho giáo và nhà Phật cũng dạy cho người biết làm điều thiện. Điểm gặp gỡ này chẳng phương hại gì đến đạo làm vua. Dựng chùa cho muôn dân chiêm bái cũng là hướng con người đến điều thiện, đó cũng là đạo an dân. Ông đã thấy được giá trị cốt yếu vị nhân sinh của Đạo Phật mà thi hành việc này, thì đó chính là việc của một vị quân vương cai trị đất nước.

- **Bài thơ Giác Hoàng phạm ngữ:** Chùa Giác Hoàng được xây dựng dưới thời vua Minh Mạng, xưa là nơi tiềm ẩn của nhà vua khi còn là Hoàng thái tử. Năm 1839, vua Minh Mạng nói rằng đây là đất lành, nhân đây mà dựng chùa thờ Phật, cầu phúc lâu dài và đặt tên là chùa Giác Hoàng. Sau đó, tỉnh Hòa thượng Tánh Thiên - Nhất Định về làm Tăng Cang chùa ấy. Đây là ngôi quốc tự được xây dựng trong Hoàng thành nói lên ý nghĩa cầu nguyện quốc thái dân an và tinh thần hộ quốc an dân của giáo lý nhà Phật. Theo sách *Đại Nam nhất thống chí*, năm Thiệu Trị thứ 3 (1843) vua đã xếp hạng chùa Giác Hoàng vào danh sách 20 thắng cảnh của đất Thần kinh và vịnh một bài thơ nhan đề là "*Giác Hoàng phạm ngữ*" để ca ngợi ngôi chùa này. Bài thơ được khắc vào bia đá, dựng ở bên trái cổng chùa và xây nhà bia để che mưa nắng. Sau khi thực dân Pháp vào xâm chiếm thì chùa bị phá dỡ để xây Viện Cơ mật. Trải qua các thời kỳ binh biến, đến ngày nay, Viện Cơ mật là trụ sở của Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế và di tích của chùa Giác Hoàng còn sót lại là cái giếng cổ.

Trong lời dẫn bài thơ, vua Thiệu Trị có dẫn hai câu: "*Khai Tam thừa nhi giác ngộ quần sinh, văn Tứ đế nhi hóa thông vạn loại*", nghĩa là: Mở ba thừa mà thức tỉnh quần sinh, nghe bốn đế mà giáo hóa muôn loài. Ý thơ này thể hiện sự am hiểu giáo lý Phật đà của nhà vua. Theo bản Kinh Pháp Hoa "*Tam thừa*" chính là Thanh Văn thừa, Duyên Giác thừa và đại thừa Bồ Tát. Đức Phật vì muốn phương tiện hóa độ chúng sinh càng cường, vô minh nên bày chương phương tiện ba thừa để ứng hợp với từng căn cơ của chúng sinh nhưng tất cả đều quy chung về một thừa duy nhất đó là Phật thừa, như nước trong bốn bể bao la chỉ có một vị mặn, giáo lý Đức Phật cũng chỉ có một vị là giải thoát, chứng quả vô thượng chánh đẳng chánh giác. "*Tứ đế*" hay còn gọi Tứ diệu đế là Khổ - Tập - Diệt - Đạo bốn sự chân thật của cuộc đời, giáo lý căn bản của Phật đà, chúng sinh đau khổ trầm luân trong biển khổ sinh tử cùng chỉ luân quản trong vòng này, khi hiểu thông bốn đế thì vạn sự được rạch ròi thông suốt, vạn loại vượt thoát sinh tử.

Phúc địa đoan nghiêm khởi pháp cung

Chung tường thẳng tích đối khung lung

Nội dung bài thơ và ý lời dẫn mang hàm triết lí Phật giáo sâu sắc, nơi vị trí địa linh của ngôi chùa Giác Hoàng là nơi rồng ẩn, với ý nghĩa rằng xưa đây là nơi tiềm ẩn (chưa lên ngôi) của vua Minh Mạng, nơi non Thửu duyên lành, cho nên việc lập chùa theo ý của vua không đơn thuần là việc thờ cúng mà chính là phát điềm lành, làm rộng ân trạch của hoàng triều.

Viên linh bảo tướng quang minh ngoai

Diệu Đế Kim Cương tướng tượng trung

Chúng giác vô ngôn tâm tức Phật

Chỉ quán nhập định sắc nhi không

Nghe Kim Cương Diệu Đế mà thấu rõ được ý mâu thâm diệu bên trong, chúng đắc qua giác ngộ đạt đến cảnh giới “vô ngôn” thì tâm tức là Phật, trong tâm có Phật vậy, vào được cửa Thiền thì hà có bàn luận có hay không. Như Đức Phật dạy trong Kinh Kim Cương: “*Nhược dĩ sắc kiến ngã, dĩ âm thanh cầu ngã, thị nhơn hành tà đạo, bất năng kiến Như Lai*”. Chính thể là nếu lấy chấp vào sắc tướng mà thấy ta, lấy âm thanh mà cầu ta, thì đó chính là tà đạo, không thể nào thấy được Như Lai. Như vậy, đạt đến cảnh giới vô ngôn thìắt thấy được Như Lai. Đây là ngụ ý của cảnh giới cao thâm khó nghĩ lường, và đó là đối với bậc giác ngộ huyền vi. Còn với phàm nhân thì còn cần phải nương vào sắc tướng, nương vào âm thanh để đi đến con đường cao siêu đó.

Từ nhân phổ bác quần sinh toại,

Trí huệ hoằng thâm vạn loại thông.

(*Giác Hoàng phạm ngữ*, Ngự chế thi sơ tập, Q.11, tờ 26a - 27a)

Ngôi chùa như chính lòng từ bi của Đức Phật ban xuống muôn nơi che chở chúng sinh đều an lạc. Trí tuệ sáng tỏ thì vạn pháp được dung thông. Từ bi và Trí tuệ chính là giá trị cốt lõi trong nền giáo lí Thích tôn, việc hành trì và tu chứng của mỗi hành giả cũng đều nương theo và thực hành con đường này. Tuy ngôi chùa Giác Hoàng đã không còn qua bao dâu bể nhưng bài thơ đã khiến cho hậu thế hình dung và hoài niệm về một địa linh của xứ sở thần kinh, cũng thấy được nếp sống trong nội cung Hoàng gia.

- **Bài thơ *Vân sơn thẳng tích***: Tả cảnh đẹp chùa Thánh Duyên trên núi Thúy Vân. Với cảnh sắc hài hòa của sắc xanh núi rừng với biển cả hòa cùng trời cao, đã tạo nên cho ngôi tự viện một khung cảnh thoát tục. Tên chùa Thánh Duyên được hiểu theo nghĩa bóng là duyên của vua, nhờ có duyên vua mà dựng nên ngôi phạm vũ huy hoàng vì lúc vua Minh Mạng lên núi này thấy có dấu tích ngôi cổ tự và cho xây lại ngôi chùa mới đặt tên là Thánh Duyên. Vua Thiệu Trị trong một lần vi hành thưởng ngoạn cảnh sắc Thiền môn đã cảm tác lời thơ, tạc vào bia đá lưu giữ đến mai sau.

Tích thúy toàn ngoan bất kế xuân

Cầu long ẩn phục liệt lân tuân

Huệ phong chung độ u lâm hưởng

Không vũ hương la pháp hải tân

Núi cao xanh biếc chẳng kể mùa xuân, trập trùng chót vót như rồng thiêng ẩn phục, ngọn gió từ đưa tiếng chuông vang trong rừng sâu, vũ trụ rộng lớn, hương vị pháp lành là bến bờ. Nhà vua nhận rõ được rằng Pháp của Đức Phật chính là bến bờ cho chúng sinh đang mãi trôi lăn trong luân hồi sinh tử.

Thụ luyến từ đàm phù bích lạc

Kính xuyên Tăng kích tạp hồng trần

Thánh Duyên phổ tế hàm quy thiện

Phật tích tăng quang tự hữu nhân.

Mây lành vờn quyện cỏ thụ giữa núi xanh, guốc của sư tăng quyện lẫn với hồng trần, ân vua rộng lớn cứu vớt muôn dân về chánh thiện, dấu phật càng thêm sáng tự ắt có nhân duyên tốt. Trong bài có câu thơ với ý vị thoát tục mà nhập thế của bậc Tăng nhân: “*Kính xuyên Tăng kích tạp hồng trần - Guốc của sư Tăng quyện lẫn với hồng trần*”. Đôi guốc tượng trưng cho sự giản dị thanh bần trong cảnh thoát tục chốn Thiền môn của Tăng nhân, đôi guốc lại quyện lẫn với cát bụi cõi đời ấy là nhập thế, đi vào cuộc đời để hoằng hóa cứu độ chúng sinh. Ngồi tĩnh lặng lắng nghe tiếng chuông chùa đưa trong gió vào tận rừng sâu để thấy sự thanh tịnh của cảnh vật và thân tâm, giáo pháp của Đức Phật chính là bến bờ giác ngộ. Nhà vua với cái nhìn của bậc quân vương mà đầy sự tinh tế và thâm đậm sâu sắc ý vị Thiền môn. Hiện nay, vẫn còn văn bia đá khắc bài thơ của vua dựng tại khuôn viên chùa, trở thành một dấu tích có giá trị ý nghĩa về lịch sử hình thành và phát triển ngôi cổ tự. Về mặt văn chương, bài thơ tô điểm thêm nét thanh tao thiên vị cho ngôi tự viện Thánh Duyên giữa miền sơn thủy trùng khơi. Khi viết về Phật giáo, chúng ta nhận thấy vua Thiệu Trị dùng nhiều thuật ngữ mang tính triết lý Phật giáo thâm sâu như: từ bi, trí tuệ, phật tâm, bát chánh đạo, thất giác chi, nhập định, chỉ quán, tam thừa, tứ đế, thanh tịnh, hư vô, vô ngôn; hay khi nói về ngôi chùa nhà vua thường dùng từ: Phạm cung, Pháp cung, Từ Đàm (mây lành). Những ngôi chùa trong tập thơ *Thần kinh nhị thập cảnh* của vua Thiệu Trị đều thuộc vào hàng quốc tự, nằm ở vị trí trọng yếu của kinh thành đất nước, điều đó cho ta thấy triều Nguyễn tuy rằng lấy Nho giáo trị quốc nhưng Phật giáo vẫn chiếm một vị trí quan trọng trong đời sống Hoàng tộc, các vị vua, hoàng hậu, hoàng tử, công chúa, quan lại đều quan tâm đến việc xây dựng chùa chiền và tu dưỡng thiện căn, bởi rằng dựng chùa chính là để cầu nguyện cho nước nhà yên ổn, nhân dân ấm no hưởng thiện, cho Hoàng tộc triều đại được xương minh.

3. KẾT LUẬN

Hoàng đế Thiệu Trị đã để lại một gia tài văn chương đồ sộ, 16 tập thơ văn ngự chế, khoảng 3.647 bài thơ và nhiều bài văn, đã minh chứng cho niềm say mê sáng tác của ông. Trong sự nghiệp văn chương của Thiệu Trị, nổi bật hơn hết là những thành tựu về mặt thể cách thi pháp mà tác phẩm *Ngự chế cổ kim thể cách thi pháp tập* là một điển hình. Việc khảo cứu thành tựu về mặt văn chương, nghệ thuật thể cách thi pháp là góp phần trong việc đánh giá lại thành tựu của văn học Hoàng tộc triều Nguyễn và sự nghiệp văn học của Thiệu Trị trên thi đàn trung đại

Việt Nam. Bước đầu tìm hiểu dấu ấn đặc biệt của ông đối với Văn học Phật giáo tại kinh đô Phú Xuân – Huế để thấy rõ tư tưởng “cư Nho mộ Thích” của thời kỳ này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phan Thuận An, Phạm Đức Thành Dũng, Phan Thanh Hải, Nguyễn Phước Hải Trung (1998), *Thần kinh nhị thập cảnh - Thơ vua Thiệu Trị*, Nxb. Thuận Hóa.
2. Phan Đăng (2019), “Thơ ngự chế của Hoàng đế Thiệu Trị trang trí bên trong đình Hương Nguyễn chùa Thiên Mụ”, *Tạp san Liễu Quán, Huế*.
3. Thích Mật Thể (1970), *Việt Nam Phật giáo sử lược*, Nxb. Minh Đức.
4. Thích Giới Hương (1994), *Văn bia chùa Huế*, GHPGVN – Diệu Đế Quốc Tự.
5. Hội đồng trị sự Nguyễn Phúc tộc (1995), *Nguyễn Phúc tộc thế phả Thủy tổ phả - Vương phả - Đế phả*, Nxb. Thuận Hóa.
6. Nguyễn Huy Khuyến (2016), “Làm rõ tác giả của Ngự chế Bắc tuần thi tập và tìm hiểu giá trị tập thơ”, *Tạp chí phát triển KH&CN*, tập 18, (số X3), trang 31-48.
7. Trần Nghĩa - Francois Gros (1993), *Di sản Hán Nôm thư mục đề yếu* (tập 1, 2, 3), Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
8. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, (tập 6), *Đệ tam kỷ - Thực lục về Hiến Tổ Chương Hoàng đế*, bản dịch Viện Sử Học (2007), Nxb. Giáo dục.
9. *Ngự chế cổ kim thể cách thi pháp tập*, Bản sao tư liệu mộc bản tại Trung tâm lưu trữ Quốc gia IV - Đà Lạt.

THE LITERARY CAREER OF EMPEROR THIEU TRI AND HIS IMPACT ON BUDDHIST LITERATURE IN PHU XUAN - HUE

Abstracts: Thieu Tri is the 3rd Emperor of Nguyen dynasty. Apart from that, he was also a literary author which may become a highlight in his career. Having a passion for composing and studying poetic style, he has left a legacy of poetic with great poetic values. Also known as a Confucian owning the spirit of “cư Nho mộ Thích”, the king took part in and studied deeply the Zen master's philosophy. During 7 years of reign (1841-1847), the king left impressive impact on Buddhism in Phu Xuan Capital in terms of Literature. In this article, we introduce Emperor Thieu Tri's literary career and his influence on Buddhist Literature in Phu Xuan - Hue.

Keywords: Thieu Tri, Ngu che chi, Buddhist literature, Phu Xuan.